

Bản tin ETF

Kết quả thay đổi danh mục ETF kỳ Q4/2025

1. Tổng quan và một số mốc thời gian đáng chú ý

Chỉ số **STOXX Vietnam Total Market Liquid Index** và **MarketVector Vietnam Local Index** đã công bố kết quả thay đổi danh mục kỳ quý 4/2025.

- Ngày ước tính thực hiện tái cơ cấu: Ngày 19/12/2025
- Ngày có hiệu lực: Ngày 22/12/2025

2. Chỉ số **STOXX Vietnam Total Market Liquid Index**

Kết quả thay đổi danh mục chỉ số

Chỉ số không thay đổi danh mục thành phần trong kỳ này, mà chỉ cập nhật số liệu và tính toán lại tỷ trọng.

Tái cơ cấu danh mục ETF

Theo ước tính của chúng tôi:

Top cổ phiếu mua vào

- Xét theo khối lượng: HPG (+7,2 triệu cổ phiếu), SHB (+4,8 triệu cổ phiếu), SSI (+1,9 triệu cổ phiếu).
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: HPG (0,28 phiên), MSN (0,24 phiên).

Top cổ phiếu bán ra

- Xét theo khối lượng: VIC (-5,4 triệu cổ phiếu), VRE (-280 nghìn cổ phiếu).
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: VIC (1,24 phiên).

Cập nhật về Quỹ Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF

- Tại ngày 11/12/2025, **tổng giá trị tài sản ròng (AUM)** ở mức **356 triệu USD** (~9,3 nghìn tỷ đồng). Từ đầu năm 2025, **AUM tăng +40,5%**, số lượng chứng chỉ quỹ giảm -12,3% (~9 triệu đơn vị), **giá trị rút vốn ròng lên tới 36,8 triệu USD** (~955 tỷ đồng), NAV/đơn vị quỹ tăng +60,2%.

3. Chỉ số **MarketVector Vietnam Local Index**

Kết quả thay đổi danh mục chỉ số

- Thêm mới: TCX
- Không loại cổ phiếu nào khỏi danh mục
- Danh mục chỉ số mới có **52 cổ phiếu**

Xét duyệt rút gọn (Fast-Track Inclusion)

- TCX đủ điều kiện để thêm vào rõ chỉ số theo diện **xét duyệt rút gọn**, cổ phiếu thỏa mãn các tiêu chí của MarketVector về vốn hóa, thanh khoản và tỷ lệ free-float.

Bảng: Tiêu chí xét duyệt rút gọn đối với TCX

Tiêu chí	Đơn vị	TCX	Điều kiện xét duyệt rút gọn	Kết quả
Thời gian niêm yết		21/10/25	Tối thiểu 2 tháng trước tháng rà soát	ĐẠT
Vốn hóa thị trường	Tỷ đồng	108.631		
Vốn hóa thị trường	Triệu USD	4.120	150	ĐẠT
Tỷ lệ Free float		15,0%	10%	ĐẠT
Giá trị giao dịch trung bình	Triệu USD	5,1	1,0	ĐẠT
Khối lượng giao dịch trung bình	T11/2025	2.040.115		
	T10/2025	4.826.781		
	Trung bình (CP)	3.433.448	250.000	ĐẠT

Nguồn: SSI Research, dữ liệu tại ngày 28/11/2025.

Tái cơ cấu danh mục ETF

Theo ước tính của chúng tôi:

Top cổ phiếu mua vào

- Xét theo khối lượng: SSI (+9,5 triệu cổ phiếu), TCX (+6,4 triệu cổ phiếu), HPG (+4 triệu cổ phiếu).
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: TCX (3,7 phiên), VCB (1 phiên).

Top cổ phiếu bán ra

- Xét theo khối lượng: VIC (-9,7 triệu cổ phiếu), HVN (-3,5 triệu cổ phiếu), DIG (-1,1 triệu cổ phiếu).
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: HVN (3,8 phiên), VIC (2,2 phiên).

Cập nhật về quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF

- Tại ngày 11/12/2025, **tổng giá trị tài sản ròng (AUM) ở mức 574 triệu USD** (~15,1 nghìn tỷ đồng). Từ đầu năm 2025, **AUM tăng +37,6%**, số lượng chứng chỉ quỹ giảm -12,1% (~31,5 triệu đơn vị), **giá trị rút vốn ròng lên tới 48,8 triệu USD** (~1.247 tỷ đồng), NAV/đơn vị quỹ tăng +56,5%.

Bảng tham khảo (trang sau)

Bảng: Tổng hợp thay đổi về số lượng cổ phiếu mua bán của quỹ Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF và VanEck Vectors Vietnam ETF, dữ liệu đến ngày 12/12/2025

Cần lưu ý rằng chỉ số STOXX Vietnam Total Market Liquid Index và MarketVector Vietnam Local Index sẽ có hiệu lực vào ngày 22/12/2025.

STT	Mã CP	Số lượng CP mua/bán			Số phiên GD tương đương
		Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF	VanEck Vectors Vietnam ETF	Tổng	
		(Triệu cổ phiếu)	(Triệu cổ phiếu)	(Triệu cổ phiếu)	
1	SSI	1,97	9,53	11,49	0,45
2	HPG	7,22	4,01	11,23	0,44
3	SHB	4,84	3,35	8,19	0,13
4	TCX	0,00	6,48	6,48	3,72
5	VCB	0,00	3,13	3,13	1,01
6	VIX	0,74	2,25	2,99	0,07
7	STB	1,02	1,82	2,84	0,37
8	MSN	1,22	1,29	2,52	0,50
9	NVL	0,82	1,53	2,36	0,19
10	DXG	0,42	1,88	2,30	0,18
11	VNM	0,38	1,30	1,68	0,29
12	VRE	-0,29	1,94	1,65	0,24
13	HUT	0,00	1,63	1,63	0,91
14	PDR	1,10	0,40	1,50	0,19
15	SHS	0,00	1,38	1,38	0,09
16	DPM	0,16	1,11	1,27	0,37
17	VCI	0,77	0,49	1,27	0,13
18	TCH	0,32	0,84	1,17	0,28
19	POW	0,00	1,15	1,15	0,14
20	VND	1,28	-0,18	1,10	0,11
21	KDH	0,00	1,05	1,05	0,21
22	VHM	0,41	0,49	0,90	0,19
23	KBC	0,28	0,50	0,79	0,25
24	HSG	0,22	0,57	0,79	0,28
25	EIB	0,00	0,74	0,74	0,12
26	VJC	0,10	0,60	0,70	0,30
27	IDC	0,00	0,70	0,70	0,28
28	FPT	0,99	-0,35	0,65	0,24
29	HAG	0,19	0,31	0,50	0,03
30	VCG	0,00	0,43	0,43	0,10
31	CEO	0,00	0,42	0,42	0,04
32	DGC	0,18	0,20	0,38	0,17
33	SBT	0,00	0,33	0,33	0,45
34	BID	0,31	0,00	0,31	0,18
35	NAB	0,00	0,18	0,18	0,12
36	NKG	0,11	0,00	0,11	0,02
37	GEE	0,00	0,09	0,09	0,12
38	FTS	0,00	0,08	0,08	0,09
39	DCM	0,07	-0,01	0,06	0,06
40	KDC	0,00	0,04	0,04	0,14
41	SIP	0,00	0,01	0,01	0,02
42	CTR	0,00	-0,01	-0,01	0,02
43	VPI	0,00	-0,01	-0,01	0,00
44	VHC	0,00	-0,02	-0,02	0,01
45	BVH	0,00	-0,02	-0,02	0,05
46	SAB	0,00	-0,05	-0,05	0,03
47	BAF	0,00	-0,06	-0,06	0,03
48	HDG	0,00	-0,14	-0,14	0,06
49	PVD	0,06	-0,44	-0,38	0,06
50	PVS	0,00	-0,39	-0,39	0,09
51	GEX	-0,10	-0,30	-0,39	0,04
52	DIG	0,17	-1,12	-0,96	0,13
53	HVN	0,00	-3,58	-3,58	3,82
54	VIC	-5,44	-9,74	-15,18	3,45

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711